TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LƯƠNG SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HSST
Ngày 16/3/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thoa và ông Đinh Mạnh Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân – Thẩm tra viên chính

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2021/TLST- HS ngày 18 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Hà Văn T, tên gọi khác: Phong, sinh ngày 17/5/1996. Tại Đ – H.

Nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do;Trình độ văn hoá: 3/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn S, sinh năm 1973 và con bà: Lường Thị H, SN: 1977; Vợ; Con: Chưa.

Tiền án:

- Ngày 22/9/2016 bị TAND huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum xử phạt 16 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 30/01/2018 bị TAND huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 01/10/2012 bị Công an phường An Mỹ, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản.

- Ngày 20/5/2013 bị TAND thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 20/02/2014, bị TAND huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam xử phạt

15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 29/8/2014, bị TAND huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

- Ngày 29/9/2020 bị TAND huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 01/02/2021 TAND thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản.

Hiện bị cáo bị tạm giam tại trại giam số 02, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn V, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 02/12/1985. Tại L – H.

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12. Con ông: Nguyễn Văn Nh (đã chết) và con bà: Bùi Thị Tr (đã chết).Vợ: Vũ Thị Q, sinh năm 1989. Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2020 đến ngày 17/7/2020. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T:**

Bà Phùng Thị Thoa – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình.

*** Người bị hại:**

1. Chị Đỗ Kim L, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

2. Chị Lương Thị Thùy D, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3. Đỗ Danh V, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn , xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, phường B, quận H, TP. Hà Nội.

2. Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1989

Nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình

* **Người làm chứng:**

- Ông Lý Đình Th, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Có mặt: Chị Đỗ Kim L, anh Đỗ Danh V, chị Vũ Thị Q.

Vắng mặt: Chị Lương Thị Thùy D, anh Nguyễn Văn L và anh Lý Đình T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong tháng 4 năm 2020 Hà Văn T, sinh năm 1996, HKTT: xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình cùng đồng bọn đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản tại xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 16 giờ ngày 05/4/2020, Hà Văn T và Nguyễn Văn V, sinh năm 1985, HKTT: thôn C, xã H, huyện L, Hòa Bình đi bộ từ khu vực nhà ra khu vực cổng trường đại học Phòng cháy chữa cháy thuộc T, xã H với mục đích trên đường đi thấy nhà nào sơ hở sẽ đột nhập trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực nhà chị Đỗ Kim L ở thôn T, xã H, huyện L thì cả hai phát hiện nhà chị L không có ai ở nhà, cửa nhà khóa nhưng có khe hở giữa mép trên của tường nhà và mái nhà phía trước có thể chui qua được. Sau đó, V đứng ngoài cảnh giới còn T trèo vào nhà chị L qua khe hở giữa tường và mái nhà. Khi vào được bên trong, T đi vào gian buồng thì nhìn thấy 01 tủ nhôm màu vàng nên đi lại gần dùng tay kéo, giật bung cánh cửa tủ bên phải phía trên ra, phát hiện và lấy được số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) để trong túi nilon. Sau khi lấy được tiền, T trèo ra ngoài theo lối đã vào rồi cùng V đi ra khu vực quán game gần trường đại học Phòng cháy chữa cháy thuộc T. Khi đến quán, T lấy trong số tiền vừa trộm cắp được đưa cho V 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Sau đó về đến nhà V, T tiếp tục chia cho V thêm 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) và giữ lại cho mình số tiền còn lại. Toàn bộ số tiền này trộm cắp này, T và V đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ 2: Khoảng 18 giờ ngày 22/4/2020, Hà Văn T sau khi chơi game tại quán gần cổng trường đại học Phòng cháy chữa cháy thuộc T xong thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khi thấy nhà chị Lương Thị Thùy D ở khu vực gần cổng trường khóa cửa và không có ai, T đi vòng ra sau nhà, dùng tay cầm chiếc kéo sắt đã chuẩn bị từ trước đưa qua khe cửa sau nhà để đẩy chốt cài cửa sang ngang và mở cửa đi vào nhà. Khi vào, T thấy một dãy phòng trọ, được đánh số từ 1 đến 5. T đi đến phòng số 1 lục soát lấy được số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*); 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu ghi HUBLOT, 01 chiếc Ipad nhãn hiệu Masstel Tab 10 màu bạc rồi đi sang phòng số 5 ở cuối dãy lấy 01 chiếc ti vi SAMSUNG 32 Inch để ở trên bàn. Sau khi lấy được tài sản, T đi ra ngoài theo lối cửa sau. Sau đó T mang chiếc ti vi trộm cắp đến nhà ông Lý Đình Th ở thôn T, Hòa Bình và nói với ông Th đây là ti vi là của nhà T đang cần tiền nên muốn bán. Ông Th kiểm tra ti vi thấy cắm điện không lên hình nên không đồng ý mua. Thấy vậy T gửi ti vi lại nhà Th, vì quen biết và tin lời T nói đây là ti vi của T nên Th đồng ý cho T gửi ti vi tại nhà mình. Chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu ghi HUBLOT, thời gian sau đó một lần

đi tắc xi (T không nhớ rõ hãng tắc xi, đặc điểm người lái xe và biển số xe), T đã bán cho người lái xe tắc xi để trừ vào số tiền đi xe. Khi bán T nói là đồng hồ của mình thiếu tiền trả tắc xi nên bán lại. Đối với chiếc Ipad trộm cắp được T đã bán cho một người lạ mặt không quen biết tại khu vực thị trấn X được 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), khi bán T nói đây là Ipad của T cần tiền nên muốn bán. Số tiền trộm cắp được và tiền bán những tài sản trộm cắp nói trên, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ 3: Khoảng 02 giờ ngày 24/4/2020, Hà Văn T đi bộ từ thôn C ra khu vực cổng trường đại học Phòng cháy chữa cháy thuộc T thì gặp H (là người mới quen). Thấy T, H nói "sàng sàng tí đi" Tn hiểu ý H muốn rủ T đi trộm cắp tài sản, bản thân đang cần tiền ăn tiêu nên T đồng ý. Sau đó, T và H mang chiếc mô tô Yamaha Taurus màu đen, không lắp biển số mà H đang đi cất ở khu vực lề đường gần đó rồi T dẫn H đi bộ đến nhà anh Đỗ Danh V ở thôn C (là nhà T biết vì đã đi qua nhiều lần) để xem có sơ hở sẽ đột nhập trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, T đứng ngoài cảnh giới còn H trèo qua tường bao vào nhà anh V. Khoảng 10 phút sau, H mở được cửa cuốn phía trước nhà anh V và bê 01 chiếc ti vi LG 49 Inch màu đen đưa cho T cầm xong H quay lại dùng chùm chìa khóa xe lấy được trong nhà anh V để mở khóa chiếc xe HONDA AIRBLADE màu đỏ đen, BKS 29X1-161.08 để ở sân trước dắt ra ngoài. Sau đó H điều khiển xe vừa trộm cắp chở T ngồi sau bê chiếc ti vi đi ra khu vực H cất chiếc xe mô tô của mình trước đó. Đến nơi, T đưa chiếc ti vi vừa trộm cắp được cho H, H điều khiển xe mô tô của H chở chiếc ti vi đi và nói với T đi chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được ra khu vực cổng trường đại học Phòng cháy chữa cháy thuộc T đợi H. T làm theo lời H nói nhưng đợi khoảng 01 tiếng không thấy H quay lại, vì sợ phát hiện nên T điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi về nhà bố nuôi là ông Xa Văn Đ ở xóm D, xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình chơi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T gọi điện cho Nguyễn Văn V nói với V vừa trộm được xe mô tô của nhà cùng xóm với V và hẹn hôm sau mang xe xuống nhờ V chở đi bán giúp để lấy tiền cùng ăn tiêu. Vì cũng đang cần tiền tiêu nên V đồng ý. Khoảng 09 giờ ngày 25/4/2020, T điều khiên xe mô tô trộm cắp ra khu vực đầu đường Láng Hòa Lạc và gọi điện cho V hẹn đến khu vực này để giúp T mang bán chiếc xe. Sau khi gặp nhau, V điều khiển xe mô tô mà T trộm cắp đi ra khu vực B, quận H, Hà Nội vào nhà anh Nguyễn Văn L (là người V và T quen biết). Khi đến nhà L, V ngồi dưới đợi, T lên gặp L và nói có chiếc xe mô tô của nhà T vì cần tiền nên muốn bán gấp với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Vì tin lời T nói và thấy chiếc xe vẫn còn tốt lại bán với giá rẻ nên L đồng ý mua xe và đưa cho T số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Sau khi bán xe, T đưa cho V 1.000.000đ (*Một*

triệu đồng), giữ lại cho bản thân 1.000.000đ (Một triệu đồng) còn lại 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) T và V cùng chi tiêu hết.

Tại Kết luận định giá số 19/KL-HĐĐGTS ngày 18/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lương Sơn kết luận: 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SAMSUNG 32 Inch màu đen trị giá 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng; 01 chiếc Ipad nhãn hiệu Masstel Tab 10 màu bạc trị giá 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng); 01 chiếc đồng hồ đeo tay nữ nhãn hiệu HUBLOT trị giá 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*). Tổng trị giá tài sản Hà Văn T trộm cắp tại nhà chị Lương Thị Thùy D là 3.400.000 (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Tại Kết luận định giá số 20/KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lương Sơn kết luận: 01 chếc ti vi nhãn hiệu LG 49 Inch màu đen trị giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng); 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AIRBLDE màu đỏ - đen, BKS 29X1 – 161.08 trị giá 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*). Trị giá tài sản T trộm cắp của nhà anh Đỗ Danh V là 18.000.000đồ(*Mười tám triệu đồng*).

Tổng giá trị tài sản mà Hà Văn T trộm cắp của 03 vụ là: 41.400.000đ (*Bốn mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng*).

* Về vật chứng đã thu giữ:

- 01(một) chiếc ti vi nhãn hiệu SAMSUNG 32 Inch màu đen;
- 01 (một) chiếc xe mô tô Honda, loại AIRBLDE màu đỏ - đen, BKS 29X1 – 161.08.

Hiện số tài sản trên Cơ quan CSĐT Công an huyện Lương Sơn trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lương Thị Thùy D và anh Đỗ Danh V.

* Vật chứng không thu giữ được:

- 01 (một) chiếc Ipad nhãn hiệu Masstel Tab 10 màu bạc;
- 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu ghi HUBLOT;
- 01 chếc ti vi nhãn hiệu LG 49 Inch màu đen.

Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm vật chứng nhưng hiện nay chưa có kết quả.

- 01 (một) chiếc kéo sắt mà Hà Văn T khai đã dùng để mở chốt cửa đột nhập vào nhà chị Lương Thị Thùy D, sau đó T đã vứt đi, T không nhớ thời gian và địa điểm vứt nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm.

-02 (hai) chiếc điện thoại mà Hà Văn T và Nguyễn Văn V đã sử dụng để liên lạc với nhau cùng đi bán chiếc xe mô tô mà T trộm cắp. Theo lời khai của V, đây là 02 chiếc điện thoại rẻ tiền V mua và lắp sim khuyến mại để sử dụng cho tiết kiệm, V cho T mượn 01 chiếc nhưng T đã trả lại vào ngày 25/4/2020. Sau đó, do điện thoại bị hỏng nên V đã vứt đi, T không nhớ rõ nhãn hiệu, chủng loại của điện

thoại cũng như thời gian, địa điểm vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm.

Bản cáo trạng số 04/CT-VKSLS, ngày 13/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn đã truy tố bị cáo Hà Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 BLHS và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 điều 323 BLHS.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hà Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự và tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 điều 323 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" . Áp dụng khoản 2 điều 173; điểm r, s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 58; điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Hà Văn T từ 04 – 05 năm tù. Áp dụng điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc bị cáo Hà Văn T phải chấp hành.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội Trộm cắp tài sản và tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 điều 51; điều 58; điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn V từ 06 - 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 điều 323; điểm b, i, s khoản 1 điều 51 và điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn V từ 06 - 10 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chấp hành .

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Hà Văn T thuộc gia đình hộ nghèo, bị cáo V không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T và V.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự bị cáo Hà Văn T phải bồi thường cho chị Đỗ Kim L 12.000.000 đồng; Chị Lương Thị Thùy D 2.600.000 đồng và anh Đỗ Danh V 7.000.000 đồng.

Truy nộp tiền thu lợi bất chính: Truy nộp bị cáo Hà Văn T số tiền 1.500.000 đồng, truy thu bị cáo Nguyễn Văn V số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền truy nộp đối với bị cáo V được trừ vào số tiền đã tự nguyện nộp vào ngày 15/3/2021 theo biên lai số 0001095.

* Về vật chứng vụ án:

- 01(một) chiếc ti vi nhãn hiệu SAMSUNG 32 Inch màu đen;

- 01 (một) chiếc xe mô tô Honda, loại AIRBLDE màu đỏ - đen, BKS 29X1 – 161.08;

Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đề cập.

* Vật chứng vụ án không thu giữ được:

- 01 (một) chiếc Ipad nhãn hiệu Masstel Tab 10 màu bạc;
- 01 (một) chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu ghi HUBLOT;
- 01 (một) chiếc ti vi nhãn hiệu LG 49 Inch màu đen;
- 01 (một) chiếc kéo sắt dùng để mở chốt nhà chị Dương;
- 02 (hai) chiếc điện thoại.

Số tài sản trên Cơ quan CSĐT đã tiến hành truy tìm nhưng chưa có kết quả nên không xem xét xử lý.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T: Nhất trí như bản luận tội và đề nghị của Viện Kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xử mức hình phạt cho bị cáo T từ 42 – 48 tháng tù.

Bị cáo Hà Văn T và Nguyễn Văn V không có ý kiến tranh luận nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo T và V xin giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng: Các hành vi và Quyết định tố tụng của cơ quan điều tra,truy tố được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì về các hành vi và quyết định tố tụng đó. Do vậy hành vi và quyết định tố tụng trên là hợp pháp

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại cơ quan điều tra và phiên tòa các bị cáo Hà Văn T và Nguyễn Văn V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của những người bị hại và vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay đã đủ cơ sở để kết luận:

Vụ thứ nhất: Ngày 05/4/2020, Hà Văn T và Nguyễn Văn V đã cùng thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 20.000.000 tại nhà chị Đỗ Kim L.

Vụ thứ hai: Ngày 22/4/2020, Hà Văn T một mình thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt các tài sản gồm: 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SAMSUNG 32 Inch màu đen,

01 chiếc Ipad nhãn hiệu Masstel Tab 10 màu bạc, 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu ghi HUBLOT và số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) tại nhà của chị Lương Thị Thùy D.

Vụ thứ ba: Ngày 24/4/2020, Hà Văn T cùng với đối tượng tên H cùng thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chếc ti vi nhãn hiệu LG 49 Inch màu đen; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AIRBLDE màu đỏ - đen, BKS 29X1- 161.08 tại nhà anh Đỗ Danh V . Ngày 25/4/2020 Hà Văn T gọi điện rủ Nguyễn Văn V đã mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AIRBLDE màu đỏ - đen, BKS 29X1-161.08 bán cho anh Nguyễn Văn L được 3.000.000đ *(Ba triệu đồng*).

Tổng giá trị tài sản mà Hà Văn T trộm cắp là 41.400.000đ (*Bốn mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng)*. Nguyễn Văn V cùng với bị cáo Hà Văn T trộm cắp tài sản có giá trị là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và cùng T đi tiêu thụ chiếc xe máy BKS 29X1 – 161.08 do Tiến trộm cắp được.

Hành vi phạm tội của bị cáo Hà Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 BLHS. Nguyễn Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 173 BLHS và tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn truy tố và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ , đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bị cáo Hà Văn T và Nguyễn Văn V là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáolà rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản sở hữu của người khác, gây mất trật tự trị an địa phương. Do đó cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết định khung: Bị cáo T có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích do đó lần phạm tội này thuộc tình tiết định khung tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn V tham gia trộm cắp 01 vụ với bị cáo Hà Văn T và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có thuộc tình tiết định khung tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 và khoản 1 điều 323 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo

- Đối với bị cáo Hà Văn T:

+ Về tình tiết tăng nặng bị cáo: Bị cáo phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tự thú; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đối với Nguyễn Văn V:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại; Khắc phục hậu quả; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Chưa có tiền án tiền sự; Người bị hại xin giảm mức hình phạt đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Xét bị cáo Hà Văn T phạm tội rất nghiêm trọng, nhân thân xấu, cả 03 vụ trộm cắp bị cáo đều là vai trò chính và người khởi xướng, là người trực tiếp có hành vi chiếm đoạt tài sản do đó cần phải xử lý nghiêm khắc và có hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo. Ngoài hành vi phạm tội này bị cáo đã bị TAND huyện Quốc Oai xử phạt 36 (*Ba sáu*)tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (phạm tội sau xử trước) và TAND thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 7 *(bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội Cướp tài sản. Hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 10 năm 06 tháng tù. Do đó cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại điều 38 BLHS để cải tạo, giáo dục bị cáo như đề nghị của VKS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo với vai trò giúp sức, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm 2 tội do đó cũng cần phải có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian nhất định theo quy định tại điều 38, điều 58 và điều 55 BLHS để cải tạo và giáo dục bị cáo.

Đối với đối tượng tên H mà bị cáo Hà Văn T khai là người cùng bị cáo T thực hiện vụ trộm cắp tài sản vào ngày 24/4/2020 tại nhà anh Đỗ Danh V nhưng T không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ ở đâu nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ nên không đề cập.

Đối với anh Nguyễn Văn L là người mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AIRBLDE màu đỏ - đen, BKS 29X1- 161.08.Tuy nhiên khi Hà Văn T bán xe cho anh L, T nói là xe của T, do ham rẻ và tin lời T nên anh L đồng ý mua , L không biết rõ đây là xe do T trộm cắp mà có. Do đó không có căn cứ truy cứu trách

nhiệm đối với anh Long mà xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ và phù hợp.

Đối với ông Lý Đình Th là người mà bị can T gửi lại chiếc ti vi nhãn hiệu SAMSUNg 32 Inch màu đen. Quá trình điều tra cũng đã làm rõ khi mang ti vi đến nhà ông Th, T nói là ti vi nhà mình muốn bán, ông Th cắm điện không lên hình nên không mua. Sau đó, T đã xin gửi lại ti vi ở nhà ông Th và được ông Th đồng ý. Ông Th không biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm với ông Th nên không đề cập.

[6]Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T thuộc gia đình hộ nghèo, không có nghề nghiệp; Bị cáo Vượng không có nghề nghiệp ổn định nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hà Văn T phải bồi thường cho chị Đỗ Kim L 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*); Chị Lương Thị Thùy D 2.600.000đ (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) và anh Đỗ Danh V 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Bị cáo V phải bồi thường cho chị Đỗ Kim L 8.000.000đồng. Ngày 04/3/2021 bị cáo Nguyễn Văn V đã bồi thường cho chị Đỗ Kim L 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

- Đối với số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) bị cáo T và V bán xe cho anh L. Quá trình điều tra anh L không yêu cầu bị cáo T và V phải bồi thường. Tuy nhiên đây là số tiền các bị cáo được hưởng lợi bất chính nên buộc các bị cáo phải truy nộp số tiền này để sung công quỹ nhà nước. Cụ thể bị cáo Hà Văn T phải nộp 1.500.000 đồng và bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 1.500.000 đồng. Ngày 15/3/2021 bị cáo V đã nộp 1.500.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn theo số biên lai 0001095.

- Đối với số tiền chị Vũ Thị Q là vợ bị cáo Nguyễn Văn Vg đã bồi thường và khắc phục hậu quả thay cho bị cáo. Tại phiên tòa chị Q không yêu cầu bị cáo V phải trả lại cho chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

* Vật chứng vụ án không thu giữ được:

- 01 (một) chiếc Ipad nhãn hiệu Masstel Tab 10 màu bạc;
- 01 (một) chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu ghi HUBLOT;
- 01 (một) chiếc ti vi nhãn hiệu LG 49 Inch màu đen;
- 01 (một) chiếc kéo sắt;
- 02 (hai) chiếc điện thoại.

Số tài sản trên bị cáo Hà Văn T và Nguyễn Văn V đã bán cho người không quen biết và vứt đi không nhớ địa điểm nên Cơ quan CSĐT đã tiến hành truy tìm nhưng chưa có kết quả nên không đề cập.

[9] Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1

Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Văn T; Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 200.000 đ (*hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản; Bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

2. Áp dụng điểm g khoản 2 điều 173; điểm r, s khoản 1 khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 58; điều 38 và điều 56 BLHS xử phạt Hà Văn T **04** (*bốn*) năm **06** *(sáu)* tháng tù.

Tổng hợp hình phạt bản án số 15/2021/ HSST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xử áp dụng điểm a, h khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 56 Bộ luật hình sự xử phạt Hà Văn T **07 (Bảy) năm 06 (sáu)** tháng tù về tội Cướp tài sản, tổng hợp với 36 tháng tù của bản án số 63/2020/HSST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Hình phạt chung bị cáo Hà Văn T phải chấp hành là **10** (Mười năm) **06** (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Hà Văn T phải chấp hành chung của nhiều bản án là **15 (Mười lăm) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2020.

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 điều 51; điều 58 và điều 38 BLHS xử phạt Nguyễn Văn V **06** (s*áu*) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 và điều 38 BLHS xử phạt Nguyễn Văn V **06** (s*áu*) tháng tù.

Áp dụng điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chấp hành chung của 2 tội là **12** (*Mười hai*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ số ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 04/6/2020 đến ngày 17/7/2020).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 BLHS buộc bị cáo Hà Văn Tiến phải bồi thường cho chị Đỗ Kim L 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*); Chị Lương Thị Thùy D 2.600.000đ (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) và anh Đỗ Danh V 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn V đã bồi thường cho chị Đỗ Kim L 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

Buộc bị cáo Hà Văn T và Nguyễn Văn V mỗi bị cáo phải truy nộp số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) để sung công quỹ nhà nước. Xác

nhận bị cáo Nguyễn Văn V đã nộp 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn theo biên lai số 0001095 ngày 15/3/2021.

3. Về án phí: Áp dụng 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Văn T. Bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngàytuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- Công an huyện Lương Sơn;
- THAHS, DS;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thu Mai